TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Hà

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1992

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C; Sinh năm: 1993

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/10/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận 02 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tính không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thêm vào đó, anh C biểu hiện có quan hệ với người phụ nữ khác khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ được 8 năm nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 04/9/2013. Từ khi ly thân, cháu vẫn ở với bố và ông bà nội. Nay ly hôn, chị đề nghị giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 06/02/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận 02 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mà chị H đề nghị là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 04/9/2013 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh C vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh C và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh C theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị Hoàn và anh C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị H và anh C vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh C.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy bản nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/10/2013 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì sảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống dẫn thường xuyên bất hòa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị H và anh C đã sống ly thân đến nay đã 8 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả chị H và anh C đều thừa nhận và đã được chính quyền xã T xác nhận là đúng thực tế. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Ly hôn, cả chị H và anh C đều yêu cầu giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu D luôn ở với bố và ông bà nội, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh C.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 04/9/2013 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: BLTU/24/0003637 ngày 05/02/2025. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C. Chị H và anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc